

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành
Thành Công Tây Ninh

Báo cáo tài chính quý 2 năm 2014



Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 1316/GP ngày 15 tháng 7 năm 1995
Giấy chứng nhận Đầu tư số 451031000014 ngày 23 tháng 3 năm 2007
Giấy phép đầu tư số 1316/GP do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm.

Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh mười ba lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đầu tư số 451031000014 ngày 02 tháng 12 năm 2013. Giấy chứng nhận đầu tư và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Bà Đặng Huỳnh Úc My Ông Lê Văn Dĩnh Ông Võ Tòng Xuân Ông Phạm Hồng Dương Ông Thái Văn Chuyện Ông Nguyễn Bá Chủ	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên(từ ngày 28 tháng 04 năm 2014)
Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Bá Chủ Ông Nguyễn Hoàng Tuấn Bà Trương Thị Hồng Ông Nguyễn Văn Đệ Ông Đinh Văn Hiệp Bà Dương Thị Tô Châu Ông Nguyễn Thành Khiêm	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc thường trực Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Giám đốc Thương mại Giám đốc Nhà máy
Ban Kiểm soát	Bà Nguyễn Thùy Vân Ông Phạm Trung Kiên Ông Lê Nho Định Ông Lê Văn Hòa	Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên(từ ngày 28 tháng 4 năm 2014) Thành viên(đến ngày 28 tháng 4 năm 2014) Thành viên
Kế Toán Trưởng	Bà Nguyễn Thị Thùy Tiên	Kế toán trưởng
Trụ sở đăng ký	Xã Tân Hưng Huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh ("Công ty") theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được lập và trình bày đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Thay mặt Hội đồng Quản trị

Đặng Huỳnh Ước My
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 07 năm 2014

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mẫu B 01a – DN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		1.964.062.073.124	1.796.911.455.438
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	258.582.561.758	277.785.657.209
Tiền	111		258.582.561.758	277.785.657.209
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	11	70.413.530.864	118.541.861.042
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		122.188.965.070	171.464.251.319
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(51.775.434.206)	(52.922.390.277)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	1.050.137.736.289	1.116.751.309.834
Phải thu khách hàng	131		283.177.884.083	189.041.854.158
Trả trước cho người bán	132		736.267.899.900	881.212.336.447
Các khoản phải thu khác	135		58.159.617.806	68.842.727.529
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(27.467.665.500)	(22.345.608.300)
IV. Hàng tồn kho	140	7	554.164.575.456	230.951.775.462
Hàng tồn kho	141		554.407.132.343	231.194.332.349
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(242.556.887)	(242.556.887)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.763.668.757	52.880.851.891
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		28.955.488.757	51.687.227.891
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		1.808.180.000	1.193.624.000
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.431.856.436.787	1.453.139.061.487
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	6	34.788.048.229	58.670.084.709
Phải thu dài hạn khác	218		34.788.048.229	58.670.084.709
II. Tài sản cố định	220		591.883.191.129	638.265.082.511
Tài sản cố định hữu hình	221	8	515.883.717.417	537.483.957.859
Nguyên giá	222		1.703.505.216.002	1.686.163.287.464
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.187.621.498.585)	(1.148.679.329.605)
Tài sản cố định vô hình	227	9	40.836.847.665	41.461.660.259
Nguyên giá	228		51.108.741.971	51.108.741.971
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.271.894.306)	(9.647.081.712)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	35.162.626.047	59.319.464.393
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	777.880.333.939	748.565.574.194
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		721.212.839.523	696.012.839.523
Đầu tư dài hạn khác	258		75.685.862.384	75.762.012.204
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(19.018.367.968)	(23.209.277.533)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		27.304.863.490	7.638.320.073
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	25.398.671.617	1.553.111.727
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	1.906.191.873	6.085.208.346
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.395.918.509.911	3.250.050.516.925

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
1	2	3	4	5
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.594.091.151.472	1.409.325.905.709
I. Nợ ngắn hạn	310		1.514.620.943.472	1.331.029.026.709
Vay ngắn hạn	311	14	1.403.047.758.331	1.001.678.320.139
Phải trả người bán	312		27.370.998.004	178.847.802.816
Người mua trả tiền trước	313	15	38.558.447.151	61.691.947.079
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	6.872.316.001	7.874.801.394
Phải trả người lao động	315		2.205.023.120	4.822.806.760
Chi phí phải trả	316	17	10.146.426.957	51.936.591.686
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	4.069.856.415	7.729.536.130
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	22.350.117.493	16.447.220.705
II. Vay dài hạn	330		79.470.208.000	78.296.879.000
Vay dài hạn	334	20	79.470.208.000	78.296.879.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	20	-	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.801.827.358.439	1.840.724.611.216
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	1.801.827.358.439	1.840.724.611.216
Vốn cổ phần	411	22	1.485.000.000.000	1.485.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		14.732.000.010	14.732.000.010
Cổ phiếu quỹ	414	22	(61.577.199.043)	(61.577.199.043)
Quỹ đầu tư phát triển	417	24	120.999.110.932	97.098.444.233
Quỹ dự phòng tài chính	418	24	99.511.076.572	87.560.743.223
Lợi nhuận chưa phân phối	420		143.162.369.968	217.910.622.793
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.395.918.509.911	3.250.050.516.925

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Thuyết minh	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	1.617.365	2.333.364
Nợ khó đòi đã xử lý	9.155.696.273	8.224.714.261
Ngoại tệ các loại (USD)	2.785	11.798
Ngoại tệ các loại (Riel)	-	47.000

Người lập



Lê Phát Tín

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Thủy Tiên



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Bá Chủ

Ngày 18 tháng 07 năm 2014

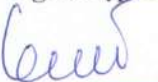
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo kết quả kinh doanh quý 2 năm 2014

Mẫu B 02a – DN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	552.073.225.548	413.561.385.090	1.005.042.904.664	913.171.488.892
2. Các khoản giảm trừ	03	25	571.999.304	397.016.673	1.386.144.246	772.091.938
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01- 03)	10	25	551.501.226.244	413.958.401.763	1.003.656.760.418	912.399.396.954
4. Giá vốn hàng bán	11	26	494.318.421.145	359.893.975.020	898.537.013.981	789.812.040.186
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 -11)	20		57.182.805.099	773.852.376.783	105.119.746.437	122.587.356.768
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	38.680.324.662	42.902.931.989	70.892.265.552	79.475.643.463
7. Chi phí tài chính	22	30	25.963.324.204	31.358.145.922	49.437.376.003	50.975.904.742
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		24.991.316.819	29.897.783.114	47.857.981.696	49.026.834.541
8. Chi phí bán hàng	24	27	18.008.143.370	9.101.126.109	27.206.160.888	18.315.110.614
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28	14.732.045.606	14.731.468.920	28.746.459.695	31.973.058.313
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		37.159.616.581	40.982.584.435	70.622.015.403	100.798.926.562
11. Thu nhập khác	31		4.102.158.404	3.732.759.939	5.268.322.004	4.694.193.818
12. Chi phí khác	32		3.817.059.312	3.628.551.891	4.524.038.527	3.632.002.153
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		285.099.092	104.208.048	744.283.477	1.062.191.665
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		37.444.715.673	41.086.792.483	71.366.298.880	101.861.118.227
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	2.463.613.461	(194.859.574)	4.844.277.890	10.207.405.582
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	31	(2.019.165.145)	(4.305.515.213)	(4.179.016.473)	(2.667.623.072)
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51)	60		32.961.937.067	36.586.417.696	62.343.004.517	88.986.089.573
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	230	278	434	672

Người lập



Lê Phát Tín

Kế Toán Trưởng


Nguyễn Thị Thủy Tiên

Ngày 18 tháng 07 năm 2014



Tổng Giám Đốc


Nguyễn Bá Chủ

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn ngày 30 tháng 06 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến quý này Năm nay VND	Năm trước VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	1	71.366.298.880	101.861.118.227
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	2	42.431.018.133	41.477.694.783
Các khoản dự phòng	3	718.887.169	1.056.274.776
Xóa sổ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5	-	
Lãi/Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	5	1.126.935.085	(67.831.939)
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư cổ phiếu	5	-	
Lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản vay cấp cho công ty liên quan	5	(43.169.719.418)	(28.852.158.807)
Lãi từ khoản trả trước cho nông dân trồng mía	5	(26.114.113.012)	(40.074.955.772)
Thu nhập cổ tức	5	(1.389.302.000)	(10.222.722.000)
Chi phí lãi vay	6	47.857.981.696	48.384.893.364
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	8	92.827.986.533	113.562.312.632
Biến động các khoản phải thu	9	110.065.783.195	(72.478.190.015)
Biến động hàng tồn kho	10	(323.212.799.994)	(477.381.615.130)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(215.783.488.042)	(60.705.027.876)
Biến động chi phí trả trước	12	9.538.787.396	(22.077.856.944)
		(326.563.730.912)	(519.080.377.333)
Tiền lãi vay đã trả	13	(47.773.478.358)	(47.645.010.803)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(22.724.716.513)	(19.795.877.960)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	15	(13.217.636.571)	(19.534.005.872)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	(410.279.562.354)	(606.055.271.968)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(10.455.942.715)	(20.671.765.744)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	2.627.272.727	829.067.407
Tiền chi các khoản vay cho các bên liên quan	23	(250.000.000.000)	
Tiền thu từ bán các khoản đầu tư vào công ty liên kết và chứng khoán	24	-	
Tiền thu từ các khoản vay cho các bên liên quan khác	24	310.000.000.000	-
Tiền thu đầu tư dài hạn khác	24	76.149.820	
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(25.200.000.000)	(60.962.017.400)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	33.706.938.704	51.311.908.005
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	60.754.418.536	(29.492.807.732)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn ngày 30 tháng 06 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành vốn cổ phần	31	-	
Tiền thu từ phát hành lại cổ phiếu quỹ	31	-	31.186.872.000
Tiền chi mua cổ phiếu quỹ	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	1.795.085.221.547	1.983.839.575.812
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.392.542.454.355)	(1.320.849.932.040)
Tiền chi trả cổ tức	36	(72.220.718.825)	(133.635.666.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	330.322.048.367	560.540.849.172
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(19.203.095.451)	(75.007.230.528)
Tiền đầu năm	60	277.785.657.209	110.669.897.291
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	258.582.561.758	35.662.666.763

Người lập



Lê Phát Tín

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Thủy Tiên



Tổng Giám Đốc ✓



Nguyễn Bá Chủ

Ngày 18 tháng 07 năm 2014

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014

Mẫu B 09a - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (trước đây là Công ty Cổ phần Bourbon Tây Ninh) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất đường và điện; trồng cây mía; sản xuất và kinh doanh các sản phẩm có sử dụng đường hoặc sử dụng phụ phẩm, phế phẩm từ sản xuất đường; sản xuất, kinh doanh phân bón, vật tư nông nghiệp; xây dựng các công trình dân dụng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng; xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; gia công cơ khí; tư vấn kỹ thuật, công nghệ và quản lý trong ngành sản xuất mía đường; sản xuất, kinh doanh cồn và các sản phẩm phụ sau cồn; kinh doanh bất động sản, cho thuê căn hộ, văn phòng, nhà ở và các hoạt động đầu tư.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép số 27/QĐ-SGDCKHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 2 năm 2008.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam và văn phòng đại diện tại Lầu 1, Số 62 Đường Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, Công ty có 508 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 5 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 784 nhân viên, trong đó số lượng nhân viên thời vụ là 266 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho các báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Năm 2013 trở về trước, kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Từ năm 2014, căn cứ theo nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/04/2014, Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 của năm liền kề.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Theo đó:

Năm tài khóa đầu tiên áp dụng niên độ mới: bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Bắt đầu từ năm tài khóa thứ 2 áp dụng niên độ mới thì ngày bắt đầu là ngày 01 tháng 07 năm này và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm liền kề.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chỉ tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư, nếu cần thiết, trong báo cáo tài chính này. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ theo hướng dẫn của Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm các khoản dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận là chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Phần lợi nhuận được phân phối từ kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty nhận đầu tư phát sinh sau ngày Công ty mua lại được ghi nhận như khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Phần lợi nhuận phân phối từ các nguồn không phải là kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh sau ngày được Công ty mua lại được xem như là khoản thu hồi đầu tư và được giảm trừ vào nguyên giá của khoản đầu tư.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Trả trước cho người bán

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán là khoản trả trước cho nông dân để trồng mía được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 30 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ khác	4 – 15 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí nâng cấp và cải tạo và được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí hoạt động cố định

Dự phòng chi phí hoạt động cố định liên quan đến các chi phí ước tính có thể phát sinh trong giai đoạn không sản xuất theo mùa vụ. Các khoản dự phòng được ước tính dựa trên kinh nghiệm, các sự kiện và các đánh giá hợp lý của Ban Giám đốc. Theo đó, các thông tin và sự kiện được dùng để ước tính các khoản dự phòng có thể thay đổi trong các giai đoạn tiếp theo và do đó kết quả xảy ra có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với các đánh giá đã được trình bày trong các báo cáo định kỳ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(m) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Việc phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi được căn cứ theo nghị quyết của các cổ đông. Quỹ này chỉ được sử dụng để chi trả thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty. Các khoản chi trả từ quỹ khen thưởng và phúc lợi không được ghi nhận vào trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(n) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu nhằm mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được phản ánh là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như một khoản giảm trừ từ vốn chủ sở hữu.

(ii) Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Việc phân phối vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được căn cứ theo quyết định của các cổ đông tại Đại hội Cổ đông hàng năm.

(q) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Điện

Doanh thu được ghi nhận dựa trên khối lượng điện đã cung cấp và giá bán đã thỏa thuận với người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu có sự không chắc chắn trọng yếu đối với việc thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng.

(u) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(v) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Báo cáo bộ phận

Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh đường và các sản phẩm phụ liên quan và trong một bộ phận địa lý là Việt Nam.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	1.630.674.379	762.717.591
Tiền gửi ngân hàng	256.951.887.379	277.022.939.618
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	258.582.561.758	277.785.657.209

6. Các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn

Bao gồm trong khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu dài hạn khác là khoản ứng trước cho nông dân trồng mía, chi tiết như sau:

	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Ứng trước ngắn hạn cho nông dân trồng mía	278.371.341.747	295.133.571.876
Ứng trước dài hạn cho nông dân trồng mía	134.498.860.005	188.144.628.890
Trả trước cho người bán	344.761.684.148	443.182.724.161
	757.631.885.900	926.460.924.927

Khoản ứng trước cho nông dân trồng mía được bảo đảm một phần bởi quyền sử dụng đất của nông dân và hưởng lãi suất năm dao động từ 8% đến 13,5% trong kỳ. Các khoản ứng trước được thu hồi tối đa trong vòng 3 năm kể từ ngày của từng đợt giải ngân.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Bao gồm trong khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác:

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Lãi phải thu từ nông dân trồng mía	48.850.972.567	65.118.841.717
Lãi phải thu từ các khoản vay cấp cho Công ty Cổ Phần Bourbon An Hòa, một công ty liên kết	6.787.840.584	1.825.163.039
Lãi phải thu từ các khoản vay cấp cho Công ty Cổ Phần Đầu tư Thành Thành Công, một cổ đông	-	114.679.167
Phải thu dự án Svayrieng_Campuchia (*)	13.424.062.229	13.421.496.229
Phải thu khác	2.520.804.655	1.784.043.606
	71.583.680.035	82.264.223.758

(*): Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Svayrieng, để phát triển dự án trồng mía ở Cam Pu Chia trong mười năm. Công ty sở hữu 85% lợi ích được chia từ dự án này.

7. Hàng tồn kho

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên vật liệu	32.701.695.425	38.893.215.873
Công cụ và dụng cụ	160.652.368	148.558.835
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	13.829.296.766	32.561.949.710
Thành phẩm	492.251.092.712	148.754.394.232
Hàng hóa	12.485.237	8.903.325
Hàng gửi đi bán	15.451.909.835	10.827.310.374
	554.407.132.343	231.194.332.349
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(242.556.887)	(242.556.887)
	554.164.575.456	230.951.775.462

Không có biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

8. Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	278.913.870.258	1.318.975.793.395	24.897.037.659	4.971.255.624	58.405.330.530	1.686.163.287.466
Tăng trong năm		557.871.273	2.864.589.623		-	3.422.460.896
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	3.150.523.512	17.676.780.906	-	54.055.048	-	20.881.359.466
Thanh lý	-	(533.241.824)	(6.428.650.000)	-	-	(6.961.891.824)
Số dư cuối kỳ	282.064.393.770	1.336.677.203.750	21.332.977.282	5.025.310.672	58.405.330.530	1.703.505.216.004
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	146.075.321.733	927.782.233.834	12.447.290.078	4.038.195.982	58.336.287.978	1.148.679.329.605
Khấu hao trong năm	4.810.820.302	35.600.620.830	1.518.800.429	205.155.644	14.455.787	42.149.852.992
Thanh lý	-	(533.241.824)	(2.674.442.188)	-	-	(3.207.684.012)
Số dư cuối kỳ	150.886.142.035	962.849.612.840	11.291.648.319	4.243.351.626	58.350.743.765	1.187.621.498.585
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	132.838.548.525	391.193.559.561	12.449.747.581	933.059.642	69.042.552	537.483.957.861
Số dư cuối kỳ	131.178.251.735	373.827.590.910	10.041.328.963	781.959.046	54.586.765	515.883.717.419

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 227.019 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 226.436 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	47.483.754.819	3.624.987.150	51.108.741.969
Tăng trong năm	-	-	-
Thanh lý	-	-	-
Số dư cuối kỳ	47.483.754.819	3.624.987.150	51.108.741.969
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	6.650.764.704	2.996.317.007	9.647.081.711
Khấu hao trong năm	519.585.184	105.227.410	624.812.594
Thanh lý	-	-	-
Số dư cuối kỳ	7.170.349.888	3.101.544.417	10.271.894.305
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	40.832.990.115	628.670.143	41.461.660.258
Số dư cuối kỳ	40.313.404.931	523.442.733	40.836.847.664

Bao gồm trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 4.361 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 4.008 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	Giai đoạn từ 1/1/2014 đến 30/06/2014 VND	Giai đoạn từ 1/1/2013 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu năm	59.319.464.393	62.870.988.100
Tăng trong năm	7.377.129.272	62.613.532.430
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(20.881.359.466)	(65.045.031.532)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(602.442.524)	-
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(10.050.165.628)	-
Xóa sổ	-	(1.120.024.605)
Số dư cuối kỳ	35.162.626.047	59.319.464.393

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

11. Các khoản đầu tư

	30/06/2014				31/12/2013			
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	VND
(a) Đầu tư dài hạn								
Đầu tư vốn dài hạn vào công ty liên kết:								
Cty CP Bourbon An Hòa (i)	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000	24.500.000	49,00%	49,00%	245.000.000.000
Cty CP Đường Biên Hòa (ii)	13.630.296	21,64%	21,64%	197.682.217.123	13.630.296	21,64%	21,64%	197.682.217.123
Cty CP Đường La Ngà (iii)	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000	2.040.802	24,89%	24,89%	61.224.060.000
Cty CP Mía đường nhiệt điện Gia Lai (iv)	9.240.000	23,69%	23,69%	124.761.375.000	6.720.000	24,13%	24,13%	99.561.375.000
Cty CP Đường Nước Trong (v)	1.389.302	23,95%	23,95%	53.765.987.400	1.389.302	23,95%	23,95%	53.765.987.400
Cty CP NC & UD mía đường TTC (vi)	720.000	24,00%	24,00%	7.200.000.000	720.000	24,00%	24,00%	7.200.000.000
Công ty CP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh (TANICHEM) (vii)	3.157.920	26,32%	26,32%	31.579.200.000	3.157.920	26,32%	26,32%	31.579.200.000
				721.212.839.523				696.012.839.523
Đầu tư dài hạn khác:								
Đầu tư vào công ty khác (viii)				74.915.050.000				74.915.050.000
Đầu tư dài hạn khác				770.812.384				846.962.204
				75.685.862.384				75.762.012.204
				(19.018.367.968)				(23.209.277.533)
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn				777.880.333.939				748.565.574.194

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính cho quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
(b) Đầu tư ngắn hạn		
Khoản vay cấp cho một công ty liên kết, Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa (ix)	122.188.965.070	171.464.251.319
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(51.775.434.206)	(52.922.390.277)
Số dư cuối kỳ	70.413.530.864	118.541.861.042

- (i) Công ty Cổ phần Bourbon An Hòa ("Bourbon An Hòa") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3900471864 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10 tháng 9 năm 2008. Trụ sở chính của Bourbon An Hòa đặt tại Thôn An Hội, Xã An Hòa, Huyện Trảng Bàng, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động của Công ty là xây dựng cơ sở hạ tầng và cho thuê khu công nghiệp.
- (ii) Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa ("Đường Biên Hòa") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 450300000501 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 13 tháng 6 năm 2001. Trụ sở chính của Đường Biên Hòa đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa I, Phường An Bình, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mía đường, các sản phẩm có sử dụng đường và sản phẩm sản xuất từ phụ phẩm, phế phẩm của ngành mía đường; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư ngành mía đường; sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt các thiết bị ngành mía đường; cho thuê kho bãi; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; mua bán, đại lý, ký gửi hàng nông sản, thực phẩm công nghệ, nguyên liệu, vật liệu ngành mía đường; dịch vụ vận tải; dịch vụ ăn uống; sản xuất và mua bán sản phẩm rượu các loại; sản xuất và mua bán cồn; kinh doanh bất động sản và dịch vụ canh tác cơ giới nông nghiệp.
- (iii) Công ty Cổ phần Mía Đường La Ngà ("Đường La Ngà") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 47030000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000. Trụ sở chính của Đường La Ngà đặt tại Km 35, Cao tốc 20, Xã La Ngà, Huyện Định Quán, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất đường, bánh kẹo, cồn, rượu; chế biến các sản phẩm sau đường, đồ uống có cồn và không có cồn, đồ uống lạnh; chế biến các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp; sản xuất phân bón hữu cơ tổng hợp; chế biến thức ăn gia súc; trồng trọt và chăn nuôi gia súc; xây dựng các công trình công cộng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi; sản xuất và cung cấp giống cây; sản xuất nước sạch, điện;

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (iv) Công ty Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai ("Đường Gia Lai") được thành lập theo giấy phép đầu tư số 1950/GP ngày 18/7/1997 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Gia Lai cấp. Trụ sở chính đặt tại 561 Trần Hưng Đạo, Thị xã Ayunpa, Tỉnh Gia Lai. Hoạt động chính của công ty là sản phẩm sau đường: mật ri, bánh kẹo, đồ uống; Sản xuất, truyền tải và phân phối điện; Sản xuất phân bón; Trồng và đầu tư mía giống, mía nguyên liệu; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất cồn thực phẩm; Tư vấn, thiết kế kỹ thuật công nghệ lập dự án và quản lý sản xuất liên quan đến ngành đường và cồn thực phẩm; Chung, tinh cất, pha chế các loại rượu mạnh; Đầu tư tài chính. Trong kỳ, công ty Đường Gia Lai đã thay đổi giấy chứng nhận đầu tư lần thứ 9 nâng vốn điều lệ lên 389.998.760.000đ, Công ty đã mua thêm 2.520.000 cổ phiếu, nâng tổng số cổ phiếu 9.240.000, tương ứng 23.69% vốn điều lệ.
- (v) Trong năm 2013 Công ty mua 1.389.302 cổ phần (23,95%) của Công ty Cổ phần Đường Nước Trong ("Đường Nước Trong"). Đường Nước Trong được thành lập tại Việt Nam theo Quyết định số 299/QĐ-CT do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 7 tháng 4 năm 2005. Trụ sở chính của Đường Nước Trong đặt tại Ấp Hội An, Xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là sản xuất sản xuất đường; trồng mía, lúa mì, cao su và các loại cây lâm sản; chế biến hàng nông sản, thực phẩm, chế biến đồ uống có cồn; gia công, chế tạo và lắp đặt máy móc, thiết bị công nghiệp thực phẩm; kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp.
- (vi) Trong năm 2013 Công ty đã góp 24% vốn cổ phần vào Công ty Cổ phần Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công ("Mía Đường Thành Thành Công"). Mía Đường Thành Thành Công được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép Kinh doanh số 3901162964 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 21 tháng 3 năm 2013. Trụ sở chính của Mía Đường Thành Thành Công đặt tại số 99, Ấp Bình Hòa, Xã Thái Bình, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam. Hoạt động chính của công ty là nghiên cứu và lai tạo mía giống; phân tích đất, kỹ thuật canh tác và thuốc bảo vệ thực vật; chế tạo máy móc cơ giới trong sản xuất mía.
- (vii) Trong năm Công ty đã góp 3.157.920 cổ phần (26.32%) của Công ty cổ phần công nghiệp hoá chất Tây Ninh ("Tanichem"). Giấy chứng nhận đầu tư số 45121000238 của Tanichem được cấp ngày 18 tháng 08 năm 2010, trụ sở chính tại Cụm Công Nghiệp Tân hội, ấp Hội An, xã Tân Hội, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh. Sản phẩm chính của công ty là các sản phẩm tinh bột, nước uống không cồn, nước khoáng, phân bón, hợp chất nitơ, thoát nước, xử lý nước, nông lâm sản, nguyên liệu, ...

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(viii) Đầu tư chứng khoán bao gồm:

	30/06/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa	5.993.204	74.915.050.000	5.993.204	74.915.050.000
Số dư cuối kỳ	5.993.204	74.915.050.000	5.993.204	74.915.050.000

(ix) Các khoản vay cấp cho Bourbon An Hòa, một công ty liên kết không được bảo đảm và có lãi suất năm dao động từ 12% đến 15,5%. Trong kỳ Công ty đã thanh toán một phần nợ gốc vay là 60.000.000.000 VND. Khoản lãi lũy kế phát sinh trong kỳ là 10.724.713.751 VND (giai đoạn kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013: 39.133.494.793 VND) đã được đổi thành nợ gốc vay

Biến động đầu tư ngắn hạn và dài hạn trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	30/06/2014	31/12/2013	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	171.464.251.319	297.983.547.843	771.774.851.727	530.642.731.027
Tăng trong kỳ	10.724.713.751	39.133.494.793	25.200.000.000	290.224.062.400
Giảm trong kỳ	(60.000.000.000)	(165.652.791.317)	(76.149.820)	(49.091.941.700)
Số dư cuối kỳ	122.188.965.070	171.464.251.319	796.898.701.907	771.774.851.727

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư trong kỳ như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	30/06/2014	31/12/2013	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	52.922.390.277	95.524.943.609	23.209.277.533	31.060.596.643
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	(1.146.956.071)	(42.602.553.332)	(4.190.909.565)	(7.851.319.110)
Số dư cuối kỳ	51.775.434.206	52.922.390.277	19.018.367.968	23.209.277.533

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

12. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.553.111.727	7.843.741.131
Tăng trong kỳ	26.404.644.676	3.106.223.454
Chuyển từ CP XD CB qua	-	-
Phân bổ trong kỳ	(2.559.084.786)	(9.396.852.858)
Số dư cuối kỳ	25.398.671.617	1.553.111.727

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ chi phí phải trả.

14. Vay ngắn hạn

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.355.634.416.331	966.704.978.139
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	47.413.342.000	34.973.342.000
Số dư cuối kỳ	1.403.047.758.331	1.001.678.320.139

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

	Tiền tệ	Lãi suất năm	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
NH Công Thương TN (i)	VND	4.5%-7%	80.954.744.359	101.578.209.897
NH Ngoại Thương (Vietcombank) (ii)	VND	6.5% - 7.5%	241.900.000.000	157.805.501.232
VIB Tây Ninh (iii)	VND	6.5% - 7.0%	118.187.023.200	117.000.000.000
HSBC (iv)	VND	4.48% - 6.5%	115.700.000.000	315.500.000.000
ANZ (Viet Nam) (v)	VND	6.3% - 6.75%	210.261.706.000	39.723.329.710
NH TMCP Quân Đội- CN Đông Sài Gòn (vi)	VND	6.5% - 6.9%	94.200.000.000	64.367.000.000
Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh	VND	0%	-	3.400.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPB) (vii)	Đô la Mỹ	4.0% - 4.5%	89.432.352.000	-
Ngân hàng Shinhan (viii)	VND	6% - 6.5%	59.599.731.492	16.000.000.000
Ngân hàng CHINATRUST (ix)	Đô la Mỹ	6,55% - 7.0%	60.000.000.000	63.000.000.000
Ngân hàng Natixis (x)	VND	6.2% - 6.5%	62.976.000.000	-
Ngân hàng Công thương_ CN1 (xi)	VND	4.5% - 7.0%	146.868.888.762	69.160.937.300
HONG LEONG VN (xii)	VND	6.49%- 6.61%	57.533.970.518	-
Vay cán bộ công nhân viên	VND	8.5% - 12.0%	18.020.000.000	19.170.000.000
			1.355.634.416.331	966.704.978.139

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (i) &(xi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 400.000 triệu VND (31/12/2013: 400.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng máy móc và thiết bị.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 250.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 250.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà xưởng, quyền sử dụng đất tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh, kho cảng Bến Kéo, cổ phiếu NHS và BHS.
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 200.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 150.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu.
- (iv) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 14 triệu Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 14 triệu Đô la Mỹ). Khoản vay này được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của dự án Espace Bourbon Tây Ninh và các khoản phải thu.
- (v) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 15 triệu Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 15 triệu Đô la Mỹ). Khoản vay này được bảo đảm bằng bằng khoản phải thu và hàng tồn kho..
- (vi) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND (31/12/2013: 100.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho.
- (vii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 100.000 triệu VND. Khoản vay này không được đảm bảo.
- (viii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND (31/12/2013: 60.000 triệu VND). Khoản vay này không được đảm bảo.
- (ix) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3,6 triệu Đô la Mỹ (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 3,6 triệu Đô la Mỹ). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu.
- (x) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3 triệu USD. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu.
- (xii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 60.000 triệu VND (31/12/2013: 60.000 triệu VND). Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho và các khoản phải thu

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

15. Người mua trả tiền trước

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tạm ứng từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (*)	35.889.710.000	35.743.710.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa, một công ty liên quan để mua dịch vụ	1.214.000.000	1.214.000.000
Tạm ứng từ Công ty Cổ phần Thương Mại Thành Thành Công, một công ty liên quan để mua dịch vụ	120.400.000	
Người mua trả tiền trước	1.334.337.151	24.734.237.079
	38.558.447.151	61.691.947.079

Khoản tạm ứng từ công ty liên quan không được đảm bảo và không chịu lãi.

- (*) Đây là khoản tạm ứng bằng tiền mặt theo Hợp đồng Chuyển nhượng Bất động sản ngày 25 tháng 11 năm 2011 giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín. Theo hợp đồng này, Công ty đồng ý chuyển nhượng quyền sử dụng đất thuê và công trình xây dựng trong Dự án Espace Bourbon Tây Ninh tại số 217-219, Đường 30-4, Phường 2, Thị xã Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	(1.536.386.539)	5.310.865.799
Thuế giá trị gia tăng	7.454.031.120	2.292.429.531
Thuế thu nhập cá nhân	954.671.420	271.506.064
	6.872.316.001	7.874.801.394

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

17. Chi phí phải trả

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí mua mía nông dân	-	45.340.559.500
Phí vận chuyển và bốc dỡ	5.078.939.641	1.719.076.286
Chi phí lãi vay	2.699.097.912	2.614.594.574
Phép năm không sử dụng	574.018.820	410.338.120
Chi phí khác	1.794.370.584	1.852.023.206
	10.146.426.957	51.936.591.686

18. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và thu hoạch mía phải trả	1.576.076.356	4.167.709.756
Phải trả cho Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	1.200.000.000	1.200.000.000
Cổ tức phải trả	408.948.935	1.543.130.110
Khác	884.831.124	818.696.264
	4.069.856.415	7.729.536.130

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	30/06/2014	31/12/2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	16.447.220.705	10.439.854.010
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối	19.120.533.359	29.610.676.064
Sử dụng quỹ	(13.217.636.571)	(23.603.309.369)
Số dư cuối kỳ	22.350.117.493	16.447.220.705

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

20. Vay dài hạn

	VND	VND
Vay dài hạn	126.883.550.000	113.270.221.000
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	(47.413.342.000)	(34.973.342.000)
	79.470.208.000	78.296.879.000

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn sổ dư như sau:

	Tiền tệ	Lãi suất	Năm đáo hạn	30/06/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn không được đảm bảo:					
Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh (i)	VND	4,62%	2020	14.318.050.000	15.511.221.000
Vay dài hạn được đảm bảo:					
Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh (ii)	VND	9,6%	2016	7.383.000.000	8.859.000.000
Ngân hàng ACB-Tân Thuận (iii)	VND	10,5%-11,5%	2016	105.182.500.000	88.900.000.000
				126.883.550.000	113.270.221.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

- (i) Khoản vay này không được đảm bảo và có hạn mức tối đa là 36.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 36.000 triệu VND). Số dư của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 được hoàn trả trong 11 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 1.193 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 1.193 triệu đồng vào ngày 10 tháng 4 năm 2020.
- (ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.700 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 10.700 triệu VND). Số dư 2.633 triệu VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 được hoàn trả trong 9 quý bằng nhau, mỗi quý trả 263 triệu VND và quý cuối cùng trả 266 triệu VND vào tháng 12 năm 2016. Số dư 4.750 triệu VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 được hoàn trả trong 10 quý bằng nhau, mỗi quý trả 475 triệu VND, quý cuối cùng trả vào tháng 12 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bởi chứng thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Công thương Tây Ninh với giá trị là 2.500 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.500 triệu VND) và chứng thư bảo lãnh của Ngân hàng TMCP Ngoại thương TP.HCM với giá trị là 2.850 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.850 triệu VND).
- (iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 120.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 120.000 triệu VND). Số dư 21228,5 triệu VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 được hoàn trả trong 4 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 4.246,5 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 4.242,5 triệu VND vào tháng 11 năm 2016. Số dư 52854 triệu VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 được hoàn trả trong 4 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 10.571 triệu VND và kỳ cuối cùng trả 10.570 triệu VND vào tháng 11 năm 2016. Số dư 31100 triệu VND của khoản vay gốc tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 được hoàn trả trong 5 kỳ sáu tháng bằng nhau, mỗi kỳ trả 6220 triệu VND, kỳ cuối cùng trả vào tháng 11 năm 2016. Khoản vay này được đảm bảo bởi việc cầm cố 4.200.000 cổ phiếu SEC và 9.135.148 cổ phiếu BHS.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	1.419.258.000.000	7.594.294.697	(129.471.347.730)	60.085.099.152	69.054.070.682	269.238.139.493	1.695.758.256.294
Mua cổ phiếu quỹ	65.742.000.000	-	-	-	-	-	65.742.000.000
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	7.137.705.313	67.894.148.687	-	-	-	75.031.854.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	239.006.666.986	239.006.666.986
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	37.013.345.081	18.506.672.541	(85.130.693.686)	(29.610.676.064)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(205.203.490.000)	(205.203.490.000)
Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	97.098.444.233	87.560.743.223	217.910.622.793	1.840.724.611.216
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	62.343.004.517	62.343.004.517
Phân bổ vào quỹ	-	-	-	23.900.666.699	11.950.333.349	(54.971.533.407)	(19.120.533.359)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(71.086.537.650)	(71.086.537.650)
Phát hành cổ phiếu phiếu	-	-	-	-	-	-	-
Truy thu thuế TNDN	-	-	-	-	-	(11.033.186.285)	(11.033.186.285)
Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2014	1.485.000.000.000	14.732.000.010	(61.577.199.043)	120.999.110.932	99.511.076.572	143.162.369.968	1.801.827.358.439

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/06/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	148.500.000	1.485.000.000.000	148.500.000	1.485.000.000.000
Cổ phiếu quỹ – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	(4.993.840)	(49.938.400.000)	(4.993.840)	(49.938.400.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành – mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	30/06/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	143.506.160	1.435.061.600.000	131.425.800	1.314.258.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	-	-	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong kỳ	-	-	5.506.160	55.061.600.000
Cổ phiếu phát hành thêm	-	-	6.574.200	65.742.000.000
Số dư cuối kỳ	143.506.160	1.435.061.600.000	143.506.160	1.435.061.600.000

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

Biến động cổ phiếu quỹ trong kỳ như sau:

	Giai đoạn từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Giai đoạn từ 01/01/2012 đến 31/12/2013 VND
Số dư đầu năm	61.577.199.043	129.472.053.033
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ trong năm	-	(67.894.853.990)
Số dư cuối kỳ	61.577.199.043	61.577.199.043

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

23. Cổ tức

Vào ngày 11 tháng 6 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã phê duyệt phân phối cổ tức bằng tiền mặt tương đương 500 VND cho một cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2014.

24. Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được lập nhằm tạo nguồn vốn cho các rủi ro hoạt động kinh doanh trong tương lai của Công ty.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Quý 2	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu		
Bán đường	480.157.400.833	335.059.196.244
Bán mật đường	10.759.520.950	17.156.061.334
Bán điện	1.932.980.000	1.965.785.200
Bán phân bón	57.141.753.685	56.145.193.568
Khác	2.081.570.080	3.235.148.744
	552.073.225.548	413.561.385.090
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	(571.999.304)	(397.016.673)
Doanh thu thuần	551.501.226.244	413.164.368.417

26. Giá vốn hàng bán

	Quý 2	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn đường	424.698.625.363	287.437.530.945
Giá vốn mật đường	10.646.865.804	16.855.089.447
Giá vốn điện	1.923.568.370	1.937.903.469
Giá vốn phân bón	56.210.099.283	52.316.614.789
Khác	839.262.325	1.346.836.370
	494.318.421.145	359.893.975.020

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

27. Chi phí bán hàng

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	897.278.868	1.273.485.890
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	73.451.125	407.500
Chi phí khấu hao TSCĐ	85.886.885	396.256.904
Chi phí bảo hành	4.681.976	0
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.718.453.657	6.985.187.221
Chi phí bằng tiền khác	1.228.390.859	445.788.594
	18.008.143.370	9.101.126.109

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý chung	5.819.733.709	5.102.372.590
Chi phí vật liệu quản lý	75.979.241	141.855.997
Công cụ, dụng cụ đồ dùng văn phòng	1.148.965.591	52.616.851
Chi phí khấu hao TSCĐ	796.149.366	816.627.535
Thuế, phí và lệ phí	16.620.000	168.248.008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.451.616.554	1.914.012.316
Chi phí bằng tiền khác	4.422.981.145	6.535.735.623
	14.732.045.606	14.731.468.920

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

29. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi từ khoản ứng trước cho nông dân trồng mía	9.957.312.321	17.645.437.199
Lãi từ khoản cho công ty liên quan vay	27.149.517.073	14.847.558.104
Cổ tức thu từ đầu tư chứng khoán	1.389.302.000	10.222.722.000
Thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng	67.048.311	175.568.775
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	117.144.957	11.645.911
	38.680.324.662	42.902.931.989

30. Chi phí tài chính

	Quý 2	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí lãi vay	24.991.316.819	29.897.783.114
Hoàn nhập/ trích lập dự phòng	718.887.169	1.056.274.776
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	253.120.216	399.031.726
Khác	-	5.056.306
	25.963.324.204	31.358.145.922

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Quý 2	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	2.463.613.461	(194.859.574)
Truy thu năm 2012 và 2013	11.033.186.285	-
	13.496.799.746	(194.859.574)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.019.165.145	4.305.515.213
Chi phí thuế thu nhập	15.515.964.891	4.110.655.639

(b) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế. Tuy nhiên, các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư của Công ty cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong bốn năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2004 đến năm 2007) và giảm 50% thuế thu nhập phải nộp trong bốn năm tiếp theo (từ năm 2008 đến năm 2011).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản này sẽ chịu thuế suất 22%.

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Công ty	Nghiệp vụ phát sinh	Giai đoạn Từ 01/01 đến 30/06/14	Giai đoạn Từ 01/01 đến 30/06/13
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	Chia cổ tức chí lãi tiền đường	17.623.800.000	
	Chi hoạt động khác		
	Mua hàng hóa	41.272.763.199	267.376.797.263
	Nhận cung cấp dịch vụ	535.477.370	
	Mua cổ phiếu		53.765.987.400
	Cung cấp dịch vụ		
	Lãi ứng trước tiền hàng	6.503.133.275	
	Bán hàng hóa	65.695.731.423	54.370.128.759
Công ty CP Thương Mại Thành Thành Công	Lãi cho vay	7.014.624.999	4.064.963.870
	Cung cấp dịch vụ	130.909.092	130.909.092
	Bán hàng hóa	1.356.319.046	1.918.180.956
	Mua hàng hóa, dịch vụ	210.951.314.963	
Công ty TNHH Đầu Tư Thương Mại Thuận Thiên	Thu nhập lãi	1.183.739.577	1.395.333.333
	Mua hàng hóa	71.478.013.333	
	Cho vay	70.000.000.000	
	Thu nhập lãi	2.886.239.129	4.334.886.109
Công ty CP Bourbon An Hòa	Cổ tức	17.527.835.000	
	Thu lãi cho vay	10.664.773.696	18.674.419.218
	Trả nợ vay	60.000.000.000	
	Trả trước cho mua quyền sử dụng đất	-	
Công ty CP Đường Nước Trong	Lãi trả trước cho QSDD	11.772.322.666	
	Bán hom giống	6.688.500	
	Mua đường thô		13.333.333.333
Công ty CP Đường La Ngà	Cổ tức	1.389.302.000	
	Mua đường thô		23.174.013.283
Công Ty CP Đường Biên Hòa	Cổ tức		
	Bán hàng hóa	22.450.088.429	
	Gia công	440.371.300	
	Phi bao quan kho	62.530.504	
	Mua hàng hóa	11.400.000	
	Cung cấp dịch vụ	357.479.000	10.222.722.000
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Cổ tức nhận được		
	Mua cổ phiếu SEC phát hành thêm	25.200.000.000	
	Nhận cung cấp dịch vụ	192.934.551	
	Bán hom giống	15.032.000	
Công ty CP Nghiên Cứu và Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành Công	Đầu tư	266.995.596	7.200.000.000
	Cho thuê đất	240.000.000	
	Mía Nguyên Liệu	1.006.534.000	
	Phi Phân tích đất		
	Mua hom giống	43.515.000	
Công ty CP Công Nghiệp Hóa Chất Tây Ninh	Đầu tư		

Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh
Thuyết minh báo cáo tài chính quý 2 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

33. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 32.961 triệu VND (giai đoạn từ 01 tháng 04 đến ngày 30 tháng 06 năm 2013: 36.976 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 143.506.160 (ngày 30 tháng 06 năm 2013: 133.123.496), được tính như sau:

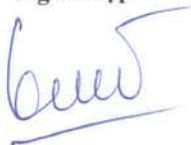
(i) *Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông*

	Quý 2	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	32.961.937.067	36.976.136.844

(ii) *Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền*

	Quý 2	
	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	143.506.160	131.425.800
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ phát hành lại trong năm	-	1.697.696
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	143.506.160	133.123.496

Người lập



Lê Phát Tín

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Thủy Tiên



Tổng Giám Đốc

Nguyễn Bá Chủ

Ngày 18 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

30/06/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2014

Đơn vị tính : VN đồng

	TÀI SẢN	Số đầu năm 01/01/2014	Số cuối kỳ 30/06/2014
I	Tài sản ngắn hạn	1.796.911.455.438	1.964.062.073.124
	1 Tiền và các khoản tương đương tiền	277.785.657.209	258.582.561.758
	2 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	118.541.861.042	70.413.530.864
	3 Các khoản phải thu ngắn hạn	1.116.751.309.834	1.050.137.736.289
	4 Hàng tồn kho	230.951.775.462	554.164.575.456
	5 Tài sản ngắn hạn khác	52.880.851.891	30.763.668.757
II	Tài sản dài hạn	1.453.139.061.487	1.431.856.436.787
	1 Các khoản phải thu dài hạn	58.670.084.709	34.788.048.229
	2 Tài sản cố định	638.265.082.511	591.883.191.129
	- Tài sản cố định hữu hình	537.483.957.859	515.883.717.417
	- Tài sản cố định vô hình	41.461.660.259	40.836.847.665
	- Tài sản cố định thuê tài chính	0	0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	59.319.464.393	35.162.626.047
	3 Bất động sản đầu tư	0	0
	4 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	748.565.574.194	777.880.333.939
	5 Tài sản dài hạn khác	7.638.320.073	27.304.863.490
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	3.250.050.516.925	3.395.918.509.911
	NGUỒN VỐN		
IV	Nợ phải trả	1.409.325.905.709	1.594.091.151.472
	1 Nợ ngắn hạn	1.331.029.026.709	1.514.620.943.472
	2 Nợ dài hạn	78.296.879.000	79.470.208.000
V	Vốn chủ sở hữu	1.840.724.611.216	1.801.827.358.439
	1 Vốn chủ sở hữu	1.840.724.611.216	1.801.827.358.439
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.485.000.000.000	1.485.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	14.732.000.010	14.732.000.010
	- Vốn khác của chủ sở hữu	0	0
	- Cổ phiếu quỹ	(61.577.199.043)	(61.577.199.043)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	184.659.187.456	220.510.187.504
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	217.910.622.793	143.162.369.968
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB	0	0
	2 Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0
	- Nguồn kinh phí	0	0
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	0	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	3.250.050.516.925	3.395.918.509.911

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2014

	Chỉ tiêu	Quý 2/2014	Lũy kế đến 30/06/2014
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	552.073.225.548	1.005.042.904.664
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	(571.999.304)	(1.386.144.246)
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	551.501.226.244	1.003.656.760.418
4	Giá vốn hàng bán	(494.318.421.145)	(898.537.013.981)
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	57.182.805.099	105.119.746.437
6	Doanh thu hoạt động tài chính	38.680.324.662	70.892.265.552
7	Chi phí tài chính	(25.963.324.204)	(49.437.376.003)
8	Chi phí bán hàng	(18.008.143.370)	(27.206.160.888)
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	(14.732.045.606)	(28.746.459.695)
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	37.159.616.581	70.622.015.403
11	Thu nhập khác	4.102.158.404	5.268.322.004
12	Chi phí khác	(3.817.059.312)	(4.524.038.527)
13	Lợi nhuận khác	285.099.092	744.283.477
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.444.715.673	71.366.298.880
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	(2.463.613.461)	(4.844.277.890)
16	Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	(2.019.165.145)	(4.179.016.473)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.961.937.067	62.343.004.517
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	230	434

LẬP BIỂU



LÊ PHÁT TÍN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN



NGUYỄN BÁ CHỦ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG THÀNH THÀNH CÔNG TÂY NINH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 2 năm 2014

Đơn vị tính : Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Quý 2 năm 2014	Lũy kế từ đầu năm (01/01->30/06/2014)	Quý 2/2013	Lũy kế năm trước (01/01->30/06/2013)
1. Tổng doanh thu	01	552.073.225.548	1.005.042.904.664	413.561.385.090	913.171.488.892
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(571.999.304)	(1.386.144.246)	(397.016.673)	(772.091.938)
3. Doanh thu thuần	10	551.501.226.244	1.003.656.760.418	413.164.368.417	912.399.396.954
4. Giá vốn hàng bán	11	(494.318.421.145)	(898.537.013.981)	(359.893.975.020)	(789.812.040.186)
5. Lợi nhuận gộp	20	57.182.805.099	105.119.746.437	53.270.393.397	122.587.356.768
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	38.680.324.662	70.892.265.552	42.902.931.989	79.475.643.463
7. Chi phí tài chính	22	(25.963.324.204)	(49.437.376.003)	(31.358.145.922)	(50.975.904.742)
- Trong đó: lãi vay	23	(24.991.316.819)	(47.857.981.696)	(29.897.783.114)	(49.026.834.541)
8. Chi phí bán hàng	24	(18.008.143.370)	(27.206.160.888)	(9.101.126.109)	(18.315.110.614)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(14.732.045.606)	(28.746.459.695)	(14.731.468.920)	(31.973.058.313)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30	37.159.616.581	70.622.015.403	40.982.584.435	100.798.926.562
11. Thu nhập khác	31	4.102.158.404	5.268.322.004	3.732.759.939	4.694.193.818
12. Chi phí khác	32	(3.817.059.312)	(4.524.038.527)	(3.628.551.891)	(3.632.002.153)
13. Lợi nhuận khác	40	285.099.092	744.283.477	104.208.048	1.062.191.665
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	37.444.715.673	71.366.298.880	41.086.792.483	101.861.118.227
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(2.463.613.461)	(4.844.277.890)	194.859.574	(10.207.405.582)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	(2.019.165.145)	(4.179.016.473)	(4.305.515.213)	(2.667.623.072)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	32.961.937.067	62.343.004.517	36.976.136.844	88.986.089.573

LẬP BIỂU



LÊ PHÁT TÍN

KẾ TOÁN TRƯỞNG



NGUYỄN THỊ THỦY TIÊN



NGUYỄN BÁ CHỦ